

MỘT KHÍA CẠNH XÂY DỰNG VĂN HOÁ HỌC ĐƯỜNG NHÌN TỪ GÓC ĐỘ TÂM LÝ HỌC

Đào Thị Oanh

Viện Nghiên cứu Sư phạm - ĐHSPhN.

1. Thực trạng không đáng có

Gần đây, qua theo dõi các phương tiện thông tin đại chúng, có thể thấy nhiều hiện tượng có liên quan đến mối quan hệ Thầy - Trò trong nhà trường đã được phản ánh. Chẳng hạn, tại một trường đại học lớn của Hà Nội, nhân danh quyền được có thông tin, sinh viên của một lớp tại chức đã đòi chấm lại bài thi vì họ cho rằng giáo viên đã chấm bài không chính xác nên số người phải thi lại quá nhiều. Nhà trường đã cho chấm lại toàn bộ tập bài thi. Kết quả cuối cùng: một nửa số bài có điểm tương tự lẫn đầu; một nửa số bài còn lại có điểm thấp hơn. Thậm chí có sinh viên nộp bài tập thực hành (được làm ở nhà) cho giáo viên để lấy điểm hết môn, nhưng trong nội dung bài làm có rất nhiều chữ viết tắt, đến nỗi nếu là người “ngoại đạo” thì khó có thể luận ra... Rồi những câu chuyện giáo viên xử sự thô bạo với học sinh tại một số trường phổ thông đã làm ảnh hưởng đến hình ảnh người thầy và gây bất bình trong dư luận xã hội. Khi bình luận về những hiện tượng đó người ta thường dùng cụm từ “thiếu văn hoá” để chỉ trích. Điều này cho thấy vấn đề văn hoá trong các nhà trường cần phải được xem xét một cách toàn diện và có những cách thức chấn chỉnh nhằm hoàn thiện nhà trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục học sinh.

Trên đất nước ta đang diễn ra những thay đổi quan trọng về kinh tế - xã hội. Đây là sự thách thức đối với nền văn hoá cổ hữu. Bản thân văn hoá dù mang tính ì, nhưng khi môi trường xã hội xuất hiện sự thay đổi thì nền văn hoá này sẽ phải thay đổi để đáp ứng với những yêu cầu mới của xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, thay đổi văn hoá không chỉ là có thể mà còn hết sức cần thiết, đặc biệt trong các thiết chế văn hoá như nhà trường. Mỗi nhà trường đều có văn hoá của mình. Do đó, ở đây cần phải hiểu rằng *thay đổi văn hoá nhà trường là để xây dựng* văn hoá nhà trường, để hoàn thiện nhà trường. Nhưng thay đổi ở những lĩnh vực nào? Thay đổi như thế nào? Hay, làm thế nào để thay đổi?... Đó

là những vấn đề vô cùng phức tạp cần được xem xét, xác định rõ ràng, bởi chỉ có như vậy việc thay đổi mới có kết quả mong muốn. Thay đổi để xây dựng văn hoá học đường (VHHĐ) là một vấn đề lớn. Bài viết này chỉ đề cập đến một khía cạnh rất nhỏ nhưng quan trọng trong toàn bộ vấn đề lớn đó.

2. Văn hoá học đường là gì?

Hiểu một cách chung nhất thì VHHĐ là giá trị căn cốt của một nhà trường. Nhìn chung khái niệm VHHĐ đã được nhất trí cho rằng đó là một cấu trúc gồm 3 thành tố có sự tác động ảnh hưởng lẫn nhau là:

+ Hệ thống thái độ và niềm tin của tất cả những cá nhân trong và ngoài trường;

+ Hệ thống các chuẩn mực văn hoá của nhà trường;

+ Hệ thống các mối quan hệ qua lại giữa các cá nhân bên trong trường với nhau, giữa các cá nhân của trường với cộng đồng.

Mỗi thành tố này có thể là những rào cản hoặc câu nổi thúc đẩy quá trình phát triển, hoàn thiện nhà trường.

VHHĐ có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện sứ mạng của nhà trường. Nhiều nghiên cứu của nước ngoài đã khẳng định ảnh hưởng của VHHĐ đến chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục học sinh. VHHĐ không phải từ trên trời rơi xuống mà được xây dựng nên và do đó có thể điều khiển được. Nó là duy nhất cho dù có thể tìm thấy những điểm chung. Vì thế, quá trình thay đổi VHHĐ đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc và toàn diện về những vấn đề có liên quan. Và đó là một quá trình thay đổi diễn ra từ từ, theo những bước đi thích hợp.

3. Thay đổi VHHĐ thông qua thay đổi nhận thức và kỹ năng tương tác thầy - trò

Quan hệ giữa cá nhân và giữa các nhóm cá nhân là một phần của VHHĐ, vì thế có thể thúc đẩy hoặc cản trở sự thay đổi VHHĐ. Hệ thống quan hệ giữa người với người trong nhà trường rất phong phú, bao gồm: mối quan hệ đồng nghiệp giữa giáo viên - giáo viên; mối quan hệ thầy - trò giữa giáo viên với học sinh; mối quan hệ giữa giáo viên với xã hội (phụ huynh học sinh,...); quan hệ học sinh với học sinh. Trong hệ thống quan hệ nói trên thì quan hệ thầy - trò là quan trọng nhất vì hoạt động dạy học và giáo dục diễn ra trên nền quan hệ này. Ảnh hưởng của mối quan hệ thầy - trò đến việc nâng cao VHHĐ từ lâu đã được đề cập nhiều trong các tài liệu nghiên cứu về VHHĐ. Tuy nhiên, quan điểm về vấn đề này có khác nhau. Một số nhà nghiên cứu nhìn nhận vai trò của học sinh chỉ như những người khai thác tiềm năng của sự thay đổi. Họ cho rằng, chỉ cần nói cho học sinh biết chúng cần phải làm gì là sẽ có được sự

đồng tình của các em. Một số khác, thông qua việc nghiên cứu mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên và học sinh đã cho rằng vai trò quan trọng của học sinh trong các hoạt động nhằm cải thiện VHHĐ cần được đánh giá đúng mức. Nghiên cứu kinh nghiệm của những trường đạt chất lượng cao trong dạy học và giáo dục ở Mỹ cho thấy, những học sinh tin rằng được giáo viên quan tâm thường đạt thành tích tốt trong những trắc nghiệm trí tuệ (Ryan & Patrick, 2001; McNeely, Nonnemaker & Blum 2002). Nhìn chung, thông thường học sinh ít được thông báo về kế hoạch hoạt động của nhà trường, do đó các em sẽ không thể triển khai thành công các nhiệm vụ cần làm nếu như bản thân học sinh không cam kết phối hợp thực hiện kế hoạch và các em sẽ không biết phải làm gì hoặc không biết phải làm như thế nào. Vì thế, ngay trong mối quan hệ giáo viên - học sinh cũng phải xây dựng “văn hoá hợp tác”, “văn hoá tôn trọng”.

Một trong những mục tiêu hoạt động của giáo viên là tạo ra một trạng thái tối ưu trong giờ học để cả thầy lẫn trò có thể học tập với khả năng tốt nhất, qua đó có thể phát huy hết tiềm năng sáng tạo của bản thân. Điều này có nghĩa là sự tương tác giữa giáo viên và học sinh phải tạo ra được một bầu không khí ấm áp, tin cậy, trong đó mọi người cảm nhận điều tốt đẹp về nhau, được tiếp thêm sinh lực để hoàn thành nhiệm vụ học tập và giảng dạy.

Tuy nhiên, điều này không dễ thực hiện. Thực tế cho thấy còn có khoảng cách rất lớn giữa những gì giáo viên nói; những gì giáo viên đánh giá với những gì giáo viên làm. Khó có thể nói đến “văn hoá hợp tác”, khi mà trong các giờ học người giáo viên chỉ giảng giải, thông tin hoặc phát đi những lời cảnh báo tới học sinh. Tương tự, “văn hoá tôn trọng” sẽ không còn là chính nó bởi bất cứ một mệnh lệnh, yêu cầu hay lời nói thô bạo nào của giáo viên đối với học sinh. Ngược lại, giáo viên cần dành thời gian để nghe và để hiểu học sinh của mình hơn.

Một nghiên cứu được triển khai tại một trường đại học của Mỹ về ảnh hưởng của mối tương tác thầy - trò đến quá trình động cơ hoá học tập của sinh viên [3] đã cho thấy, nhìn chung, các giảng viên không ý thức được phần lớn các thói quen mà họ có mỗi khi xuất hiện trước sinh viên. Những thói quen này thường làm sinh viên khó chịu và có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tham gia vào quá trình học tập của sinh viên. Kết quả cho thấy có 10 thói quen sau đây của giảng viên “làm phiền” sinh viên nhiều nhất. Đó là:

- + Thiếu sự tổ chức và lập kế hoạch cho bài giảng.
- + Sử dụng kém các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho bài giảng (bảng, các phương tiện nghe nhìn).
- + Phong cách và kỹ thuật giảng bài (quá lúng túng, thiếu tự tin hoặc quá dài dòng).

- + Cách thức kiểm tra đánh giá nghèo nàn.
- + Tác phong kiểu cách phản cảm (trang phục, cách trang điểm, các tật về ngôn ngữ hoặc điệu bộ).
- + Giọng nói đơn điệu, nói quá nhanh hoặc quá chậm; nói quá nhỏ.
- + Sử dụng thời gian trên lớp kém (vào muộn ra sớm).
- + Sự thô bạo, thô thiển (có lời nói hoặc hành vi thiếu tôn trọng sinh viên).
- + Xa lánh, khó gần.
- + Không công bằng hoặc nhầm lẫn trong quá trình đánh giá phân loại sinh viên.

Kết quả nghiên cứu này còn cho thấy, khi được thông báo về điều này, hầu hết các giảng viên đều thốt lên: “À, thì ra đây là những cái làm cho các sinh viên của tôi khó chịu đây!”. Điều đó có nghĩa là, tương tác liên nhân cách giữa giảng viên và sinh viên nhìn chung kém hiệu quả nên không tạo ra được bầu không khí tâm lý tích cực cho hoạt động giảng dạy và học tập.

Kết quả của một nghiên cứu khác triển khai trên sinh viên ĐHSP Hà Nội trong thời gian gần đây về mối liên quan giữa phương thức thoả mãn nhu cầu nhận thức của sinh viên với mối quan hệ thầy - trò nhìn chung cho thấy bức tranh chưa thật tích cực của mối quan hệ này (xem bảng 1).

Bảng 1: Nhận thức của sinh viên về phương thức thoả mãn những nhu cầu hiện có

TT	Các phương thức thoả mãn NCNT	Điểm TB	Thứ bậc
1	Tự tìm hiểu máy mò khám phá (làm thí nghiệm, thực nghiệm)	3,52 ± 1,45	2
2	Hỏi thầy/cô giáo	2,98 ± 1,20	4
3	Trao đổi với bạn bè	3,67 ± 0,98	1
4	Trao đổi với cha mẹ/anh chị em... trong gia đình	1,58 ± 0,94	5
5	Đọc sách báo, mạng Internet...	3,25 ± 1,33	3

Ghi chú: Điểm thấp nhất = 1, điểm cao nhất = 4, điểm càng cao chứng tỏ nhận thức của SV càng tốt.

Một trong những cách để sinh viên có thể thoả mãn nhu cầu nhận thức của mình là thông qua giao tiếp với giáo viên đang trực tiếp giảng dạy họ trong trường đại học. Đối với sinh viên sư phạm, số liệu thống kê cho thấy, mặc dù đây không phải là cách mà họ sử dụng thường xuyên nhất, nhưng có thể nói

rằng, đó là cách khá hiệu quả bởi những vấn đề họ trao đổi, xin ý kiến của thầy/cô giáo rất đa dạng, từ những vấn đề có liên quan đến việc rèn luyện sức khoẻ bản thân (cả thể chất lẫn tinh thần) cho đến những vấn đề có quan hệ đến sự phát triển kỹ thuật, công nghệ trên thế giới. Điều này một phần cho thấy tính chất tích cực trong mối quan hệ thầy - trò ở nhà trường ĐHSP HN. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều sinh viên tỏ thái độ e ngại khi tiếp xúc với thầy/cô giáo. Lý do chủ yếu họ đưa ra là sợ các thầy/cô giáo quá bận, có ít thời gian rảnh rỗi hoặc không biết cách tiếp cận với thầy/cô giáo như thế nào cho đúng, đặc biệt là những sinh viên mới vào trường. Điều này cũng dễ hiểu vì nhiều sinh viên đến từ các vùng nông thôn hoặc các tỉnh xa, kinh nghiệm giao tiếp xã hội của họ còn rất ít, cộng với vị thế của người học trò trong những trường đại học (chứ không phải là học trò trong trường phổ thông) nên dường như khoảng cách giữa họ với thầy/cô giáo là rất xa. Nhưng cách như vậy làm hạn chế nhiều khả năng thoả mãn nhu cầu nhận thức của họ vì thầy/cô giáo là nguồn kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm vô cùng phong phú để sinh viên có thể “khai thác”. Kết quả cụ thể về những vấn đề mà sinh viên thường trao đổi với giáo viên được trình bày ở bảng 2, 3.

Bảng 2: Những vấn đề sinh viên thường chủ động trao đổi/hỏi ý kiến giáo viên

TT	Các vấn đề sinh viên quan tâm	Điểm TB	Thứ bậc
1	Nội dung kiến thức môn học	4,17 ± 1,02	1
2	Phương pháp lĩnh hội môn học	3,93 ± 0,97	2
3	Phương pháp khái quát kiến thức môn học	3,30 ± 1,02	3
4	Kỹ năng rèn luyện nghiệp vụ	1,97 ± 0,92	4
5	Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị kỹ thuật trong dạy học	1,63 ± 0,90	5

Ghi chú: Điểm thấp nhất = 1, điểm cao nhất = 4, điểm càng cao chứng tỏ SV càng chủ động trong việc trao đổi/hỏi ý kiến giáo viên.

Bảng 3: Ý kiến của sinh viên về những vấn đề giáo viên thường trao đổi với sinh viên

TT	Các lĩnh vực kiến thức	%	Thứ bậc
1	Sức khoẻ	41,4	4
2	Kinh tế - chính trị	54,1	2
3	Văn hoá - xã hội	73,5	1
4	Văn học - nghệ thuật	42,9	3
5	Kỹ thuật - công nghệ	39,6	5

So sánh với ý kiến thu được từ bản thân cán bộ giảng dạy về vấn đề này, thấy có một số khác biệt giữa ý kiến của sinh viên và của cán bộ giảng dạy về nội dung trao đổi cũng như về thứ bậc các nội dung đó (ví dụ, có nhiều nội dung được trao đổi hơn, thứ bậc của một số nội dung cũng khác).

Qua trao đổi trực tiếp với một số sinh viên và một số cán bộ giáo vụ của các khoa, chúng tôi thấy rằng phần lớn sinh viên thường xuyên trao đổi với cán bộ giáo vụ của các khoa về nội dung công việc học tập của họ. Các nội dung trao đổi cũng khá phong phú, cụ thể là: kinh nghiệm học tập; kinh nghiệm làm bài thi để có kết quả cao; những khó khăn trong học tập mà họ gặp phải và mong muốn được giúp đỡ để tháo gỡ; những thắc mắc xung quanh vấn đề như kế hoạch dạy học, chương trình học, nghiên cứu khoa học hoặc để phản hồi về bài giảng của giáo viên. Những sinh viên hay gặp, trao đổi với cán bộ giáo vụ thường là những em mới vào trường đại học; những sinh viên học khá, giỏi hoặc những em đang gặp khó khăn cần được giúp đỡ.

Như vậy có thể thấy, bản thân một số sinh viên tỏ ra khá chủ động trong việc tìm kiếm các điều kiện để thoả mãn nhu cầu nhận thức của mình thông qua tương tác tích cực với cán bộ giảng dạy.

Không khí tâm lý của nhà trường là tổng hợp của tất cả các mối tương tác tích cực và tiêu cực giữa tất cả các cá nhân trong trường. Sắc thái của tương tác này được tạo bởi văn hoá nhà trường. Đó là những chuẩn mực, thói quen, truyền thống, tuy không thành văn, nhưng có ảnh hưởng đến hành vi của các cá nhân. Để xây dựng một văn hoá trí tuệ xã hội trong môi trường học đường, giáo viên cần thay đổi các chuẩn mực, bắt đầu bằng việc thay đổi thói quen hành vi của chính mình. Ý nghĩa của tương tác liên nhân cách trong việc tạo ra một bầu không khí xúc cảm trong lớp học có cơ sở tâm lý học và sinh lý thần kinh của nó. Từ lâu các nhà tâm lý học xã hội đã chỉ ra rằng trong bất cứ một nhóm xã hội nào, trạng thái xúc cảm chung, bề ngoài của nhóm thường được tập trung và lan toả mạnh nhất từ người có quyền lực nhiều nhất trong nhóm. Trong một lớp học, đó là người giáo viên, còn trong trường học, đó là người hiệu trưởng. Vì thế, để tạo được một không khí xúc cảm tích cực, có thể nâng đỡ tất cả mọi người, thì cần phải hướng nhóm đến những tương tác xã hội đồng cảm tích cực.

Những nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực khoa học thần kinh xã hội (Social neuroscience) đã phát hiện ra cơ chế thần kinh cho thấy sức mạnh rất tinh tế của xúc cảm, theo đó, trạng thái xúc cảm có đặc tính lây lan từ não đến não. Khi hai người tương tác với nhau, các trung tâm xúc cảm ảnh hưởng lẫn nhau theo cách tốt hơn hoặc xấu hơn. Trong quá trình tương tác, “não xã hội” của một người hoà vào trạng thái xúc cảm của người kia và điều chỉnh cảm xúc riêng cũng như các hành động của cá nhân đó. (Winkelman & Harmon-Jone, 2006). *Tế bào thần kinh phản chiếu* tạo ra trong não của một cá nhân một bản sao trạng thái não của bất cứ người nào mà cá nhân đó đang tương tác. Các nhà

khoa học thần kinh tin rằng, sự đồng cảm được phát xuất từ hoạt động của tế bào thần kinh phản chiếu. Chẳng hạn, khi giáo viên ổn định trật tự của một nhóm học sinh bằng một cái liếc nhìn cảnh báo nghiêm khắc thì tế bào thần kinh phản chiếu của các học sinh này có thể đoán chừng được sự bức bối và ý định ổn định trật tự của giáo viên. Chúng sẽ lập tức điều khiển các học sinh này thay đổi hành vi (không nói chuyện riêng) để làm xoa dịu giáo viên.

Các phát hiện có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng, tạo lập bầu không khí tâm lý tích cực trong trường học vì nó tăng cường khả năng học tập của học sinh (Goleman, 2006). Những gì chúng ta biết về việc bộ não con người phản ánh như thế nào trạng thái xúc cảm của những người khác cho thấy sự cần thiết phải có những kỹ năng tương tác liên nhân cách vừa với tư cách là một mô hình vừa với tư cách là một cội nguồn của một hiệu ứng xúc cảm đặc biệt.

4. Làm thế nào để tương tác thầy - trò có hiệu quả?

Việc hiểu biết về sức mạnh của “não xã hội” đã mở rộng phạm vi các công cụ có thể có để nâng cao hiệu quả quá trình tương tác xã hội, tạo ra trạng thái tối ưu cho hoạt động của nhóm, theo đó mỗi người sẽ là một phần của người khác. Các nhà tâm lý học và giáo dục học vận dụng những kết quả nghiên cứu của khoa học thần kinh vào việc xây dựng và triển khai các chương trình *nâng cao trí tuệ xã hội và cảm xúc* thông qua việc dạy các kỹ năng xã hội và cảm xúc cho cả giáo viên và học sinh. Các chương trình như vậy thường dạy các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng điều khiển căng thẳng và giận dữ, kỹ năng đồng cảm, kỹ năng ra quyết định, các chiến lược giải quyết bất đồng một cách xây dựng.

Nghiên cứu VHHĐ của các trường học thành công ở Mỹ cho thấy việc giúp đỡ học sinh điều chỉnh các hành vi của bản thân và biết cách đối phó với nhiều thách thức xã hội và học tập mà chúng phải đương đầu là một phần trong các nội dung của xây dựng VHHĐ. Dạy cho học sinh những kỹ năng xúc cảm và xã hội như: thiết lập quan hệ, nhận thức bản thân, tự quản lý, tự điều chỉnh, ra quyết định có trách nhiệm có thể ngăn ngừa được những hành vi tiêu cực và thúc đẩy thành tích học tập vì các em ít tham gia hơn vào các hành vi mạo hiểm và kiên trì đối mặt hơn với những thách thức trong học tập (Solomon, Watson, Baltistich, Schaps & Lewis, 2000).

Gần đây, Roger Weissberg (2005) đã tiến hành một phân tích vĩ mô kết quả của hàng trăm nghiên cứu về các chương trình dạy trí tuệ xã hội và cảm xúc đã cho thấy, những chương trình hiệu quả làm giảm rõ rệt bạo lực học đường và sự lạm dụng các chất gây nghiện, kết quả học tập tốt hơn, không khí lớp học tích cực hơn, giáo viên phải dành ít thời gian hơn cho việc ổn định trật tự và dành được nhiều thời gian hơn cho việc dạy học. Những chương trình dạy

trí tuệ xã hội tốt nhất là những chương trình khớp với chuẩn chương trình học tập (như đã đề cập trong Project Spectrun, 2006). Nhưng trên hết, đó là học sinh được học tập tốt hơn trong một bầu không khí xúc cảm tích cực. Những học sinh đã tham gia vào các chương trình giáo dục trí tuệ xã hội - cảm xúc đạt được kết quả học tập tốt hơn so với những học sinh không được tham gia vào các chương trình đó. Nghiên cứu cũng cho thấy, những học sinh thiết lập được những quan hệ lành mạnh và bền vững với giáo viên thường là những học sinh được chuẩn bị tốt hơn để học các kỹ năng xã hội - xúc cảm và những giáo viên nắm được tốt các kỹ năng xã hội - xúc cảm có thể tương tác dễ dàng hơn với học sinh. Đặc biệt, những giáo viên tương tác hiệu quả thường mở rộng việc nâng cao trí tuệ xã hội - cảm xúc sang cả sự tương tác của bản thân học sinh với nhau, tức là họ có chú ý đến “văn hoá bạn bè” của học sinh (nhất là học sinh Trung học cơ sở) với tư cách là một “tiểu văn hoá” trong VHHĐ.

Như vậy, việc hoàn thiện nhà trường sẽ có ý nghĩa khi ta bắt đầu bằng sự thay đổi văn hoá và thay đổi văn hoá bắt đầu từ đội ngũ giáo viên với người đứng đầu là người lãnh đạo.

Tài liệu tham khảo

1. Hồng Đức (2005) - Bản tin ĐHQG Hà Nội. Số 174, tháng 8/2005.
2. Daniel Goleman (2006). *The socially Intelligent Leader*.
3. Bridget Murray (2000). *Professos' most grating habits*. Monitor on psychology, 1/2000.
4. Daniel Goleman (1995). *Emotional Intelligent*. New York: McGraw Hill, USA.